

Mẫu số 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NIỆN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN ĐĂNG KHOA

2. Ngày tháng năm sinh: 07/10/1974; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thị trấn Cát Thành, Huyện Trực Ninh, Tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 250/9 Đường số 8, Tổ 6, Khu phố 1, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 308/7 Đường số 8, Tổ 6, Khu phố 1, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0913992299;

E-mail: khoatd@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 07/1997 đến tháng 12/1997: Nhân viên kinh doanh, Công ty TNHH TM Minh Tùng.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

Từ tháng 01/1998 đến tháng 7/2000: Chuyên viên kế hoạch kinh doanh, Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Thiết bị Thông tin II (nay là Công ty Cổ phần KASATI).

Từ tháng 8/2000 đến tháng 6/2005: Chuyên viên kế hoạch kinh doanh, Cơ sở 2 - Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Từ tháng 7/2005 đến tháng 12/2008: Trưởng phòng kinh doanh, Phó giám đốc Chi nhánh TP.HCM – Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông.

Từ tháng 01/2009 đến tháng 12/2009: Giảng viên tập sự, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 01/2010 đến tháng 8/2011: Giảng viên, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 9/2011 đến tháng 7/2016: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 8/2016 đến nay: Giảng viên, Trưởng bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 01/2019 đến nay:

- Giảng viên, Trưởng bộ môn Quản trị chiến lược - Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh lĩnh vực Quản trị tại Viện nghiên cứu kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 6/2020 đến nay:

- Giảng viên, Trưởng bộ môn Quản trị chiến lược tại Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh lĩnh vực Quản trị tại Viện nghiên cứu kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kiêm giữ chức vụ Giám đốc chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị trình độ đại học thuộc Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ:

- Hiện nay:

- + Trưởng Bộ môn Quản trị chiến lược tại Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh lĩnh vực Quản trị tại Viện nghiên cứu kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Giám đốc chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị trình độ đại học thuộc Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chức vụ cao nhất đã qua:



- + Trưởng Bộ môn,
- + Giám đốc chương trình đào tạo,
- + Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh lĩnh vực Quản trị.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM.

Điện thoại cơ quan: 028.38295299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 10 năm 1997; số văn bằng: B61534; ngành: Toán điều khiển kinh tế, chuyên ngành: Toán điều khiển kinh tế; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 07 tháng 04 năm 2004; số văn bằng: A007753; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 06 năm 2008; số văn bằng: 05596; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo (học tại Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh), Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp;
- Thái độ và hành vi của khách hàng;
- Chiến lược;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

- Quản trị nguồn nhân lực.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ 01 (một) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 11 (mười một) HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 04 (bốn) đề tài NCKH cấp cơ sở;
- Đã công bố 39 (ba mươi chín) bài báo khoa học, trong đó 14 (mười bốn) bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản là 02 (hai), trong đó 02 (hai) quyển đều thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng chương sách do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản: 02 (hai);
- Đã công bố 13 (mười ba) báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn trong kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế ISBN của hội thảo khoa học quốc tế;
- Đã công bố 02 (hai) báo cáo khoa học được xuất bản toàn văn trong kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế ISBN của hội thảo khoa học quốc gia;
- Đã được cấp 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thường quốc gia, quốc tế: 00.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| Hình thức khen thưởng                                                                     | Số quyết định/Công văn                                                                                                                                   | Ngày ký    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2016-2017 đến năm học 2017-2018 | Số 4753/QĐ-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ ký quyết định                                                                    | 02/11/2018 |
| Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2013-2014 đến năm học 2014-2015 | Số 447/QĐ-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Phạm Vũ Luận ký quyết định                                                                       | 05/02/2016 |
| Top 10 danh hiệu Giảng viên của năm 2020                                                  | Giấy chứng nhận kết quả thi đua năm 2020 do Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế TP.HCM – GS.TS. Sử Đình Thành ký.                                         | 08/03/2021 |
| Top 10 giải thưởng Nghiên cứu khoa học xuất sắc của năm 2020                              | Giấy chứng nhận kết quả thi đua năm 2020 do Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế TP.HCM – GS.TS. Sử Đình Thành ký.                                         | 08/03/2021 |
| TOP 10 Nghiên cứu khoa học xuất sắc của năm 2019                                          | 423/ĐHKT-NS của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM về việc lấy ý kiến đồng nghiệp và người học cho ứng viên các danh hiệu và giải thưởng năm 2019 | 28/02/2020 |
| Danh hiệu “Giảng viên của năm 2017”                                                       | 1081/QĐ-ĐHKT-TCHC V/v Công nhận danh hiệu “Giảng viên của năm 2017” của Trường Đại                                                                       | 20/4/2018  |



|                                                     |                                                                                                                                                           |            |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                                                     | học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh do Hiệu trưởng Nguyễn Đông Phong ký quyết định                                                                          |            |
| Top 10 giải thưởng Nghiên cứu khoa học của năm 2017 | 580/ĐHK-TCHC V/v Lấy ý kiến đồng nghiệp và người học cho ứng viên các danh hiệu và giải thưởng năm 2017 do Hiệu trưởng Nguyễn Đông Phong ký công văn      | 26/03/2018 |
| Top 10 Giảng viên của năm 2016                      | 400/ĐHK-TCHC của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM về việc lấy ý kiến đồng nghiệp và người học cho ứng viên các danh hiệu và giải thưởng năm 2016 | 09/3/2017  |
| Top 10 Nghiên cứu khoa học xuất sắc của năm 2016    | 400/ĐHK-TCHC của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM về việc lấy ý kiến đồng nghiệp và người học cho ứng viên các danh hiệu và giải thưởng năm 2016 | 09/3/2017  |

\* Ngoài ra, bản thân còn đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2019 và 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Tôi tự đánh bản thân đã đáp ứng được các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo trong suốt quá trình công tác. Cụ thể như sau:

Về tiêu chuẩn của nhà giáo: Trong suốt quá trình công tác với tư cách là một giảng viên từ năm 2009 đến nay, tôi luôn thực hiện tốt các tiêu chuẩn của một nhà giáo. Về phẩm chất, tôi luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo, và thể hiện tinh thần tự học, tự rèn luyện, phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo, và luôn ý thức tự rèn luyện tạo phong cách nhà giáo mẫu mực, ảnh hưởng tốt đến người học; Về chuyên môn nghiệp vụ, tôi luôn nỗ lực để nắm vững chuyên môn trong lĩnh vực phụ trách, thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giảng dạy; Tôi luôn ý thức tham gia xây dựng môi trường giáo dục tại vị trí công tác, thể hiện được những giá trị văn hóa giáo dục, học thuật trong các hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học; Bản thân là người có lối sống lành mạnh, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nhà trường, đường lối chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Về nhiệm vụ của nhà giáo: Bản thân luôn phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo. Về hoạt động đào tạo, tôi luôn thực hiện vượt định mức giảng dạy, được người học đánh giá cao về chuyên môn và tâm huyết; Về hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi luôn nỗ lực thực hiện đa dạng các nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ cho việc nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật, lan tỏa kiến thức mới và đóng góp tri thức cho cộng đồng; Tôi luôn nỗ lực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên, tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; Tôi luôn thể hiện sự khách quan, trung thực trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác; Bên cạnh đó, tôi luôn nhiệt tình tham gia đóng góp cho công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác khi được yêu cầu.



Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 11 năm 7 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SĐH |                                                            |
| 1               | 2015-2016 |                           |     | 02                                 | 8                                       | 375                                       | 120 | 495/895/238                                                |
| 2               | 2016-2017 |                           |     | 02                                 | 8                                       | 180                                       | 135 | 315/767,5/216                                              |
| 3               | 2017-2018 |                           |     | 02                                 | 4                                       | 480                                       | 315 | 795/1.192,5/216                                            |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                            |
| 4               | 2018-2019 |                           |     | 01                                 | 8                                       | 450                                       | 150 | 600/945/216                                                |
| 5               | 2019-2020 |                           |     | 02                                 | 8                                       | 495                                       | 165 | 660/1.082,5/216                                            |
| 6               | 2020-2021 |                           | 01  | 02                                 | 8                                       | 450                                       | 210 | 660/1.315/216                                              |

Tất cả các thông tin trong bảng này đã được xác nhận bởi Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; số bằng: C0169817; năm cấp: 2003.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh



- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Cử nhân ngoại ngữ ngành tiếng Anh sư phạm, do Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp vào năm 2003.

- Chứng chỉ tốt nghiệp tiếng Anh cho các mục đích học thuật cấp độ 3 (EAP3 – English for Academic Purposes 3) do Trường Đại học Western Sydney - Australia cấp (học tại Australia) vào năm 2017.

- Chứng chỉ tốt nghiệp về giảng dạy đại học bằng tiếng Anh EMI-A (English as the Medium of Instruction) do Viện ngôn ngữ quốc tế - Trường Đại học Kinh tế TP.HCM cấp vào năm 2020. Khóa học được chứng nhận bởi Đại học Waikato – New Zealand.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...                                                               | Cơ sở đào tạo                 | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                                                                                  |                               |                                                       |
| 1  | Hồ Đại Đức                    | X         |               |                       | X   | Quyết định phân công hướng dẫn số 1148/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 26/3/2014<br><br>Thời gian từ 2014-2020  | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Quyết định số 1683/QĐ-ĐHKT-ĐTSĐH ngày 11/6/2021       |
| 2  | Nguyễn Phương Thảo            |           | X             | X                     |     | Quyết định phân công hướng dẫn số 1757/QĐ-ĐHKT-VSDH ngày 27/5/2015<br><br>Thời gian từ 2015-2016 | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Số hiệu bằng: 002268; ngày cấp bằng: 31/10/2016       |
| 3  | Lý Quỳnh Hoa                  |           | X             | X                     |     | Quyết định phân công hướng dẫn số 1757/QĐ-ĐHKT-VSDH ngày 27/5/2015                               | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Số hiệu bằng: 002614; ngày cấp bằng: 17/7/2017        |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

|   |                          |  |   |   |                                                                                                                         |                                     |                                                          |
|---|--------------------------|--|---|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|   |                          |  |   |   | Thời gian từ<br>2015-2016                                                                                               |                                     |                                                          |
| 4 | Đinh Thị<br>Thắm         |  | X | X | Quyết định<br>phân công<br>hướng dẫn<br>số 1635/QĐ-<br>ĐHKT-<br>VSDH ngày<br>24/5/2016<br><br>Thời gian từ<br>2016-2017 | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu bằng:<br>002660; ngày<br>cấp bằng:<br>17/7/2017  |
| 5 | Nguyễn Thị<br>Ngọc Thanh |  | X | X | Quyết định<br>phân công<br>hướng dẫn<br>số 1635/QĐ-<br>ĐHKT-<br>VSDH ngày<br>24/5/2016<br><br>Thời gian từ<br>2016-2017 | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu bằng:<br>002656; ngày<br>cấp bằng:<br>17/7/2017  |
| 6 | Huỳnh Thị Tố<br>Uyên     |  | X | X | Quyết định<br>phân công<br>hướng dẫn<br>số 1167/QĐ-<br>ĐHKT-<br>VSDH ngày<br>26/4/2017<br><br>Thời gian từ<br>2017-2018 | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu bằng:<br>003469; ngày<br>cấp bằng:<br>22/3/2018  |
| 7 | Nguyễn<br>Thanh Tuấn     |  | X | X | Quyết định<br>phân công<br>hướng dẫn<br>số 1167/QĐ-<br>ĐHKT-<br>VSDH ngày<br>26/4/2017<br><br>Thời gian từ<br>2017-2018 | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu bằng:<br>003464; ngày<br>cấp bằng:<br>22/3/2018  |
| 8 | Đinh Thị Mỹ<br>Huệ       |  | X | X | Quyết định<br>phân công<br>hướng dẫn<br>số 999/QĐ-<br>ĐHKT-                                                             | Trường Đại<br>học Kinh tế<br>TP.HCM | Số hiệu bằng:<br>004463; ngày<br>cấp bằng:<br>10/01/2019 |



|    |                       |  |   |   |                                                                                              |                               |                                                 |
|----|-----------------------|--|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
|    |                       |  |   |   | VSDH ngày 19/3/2018<br>Thời gian từ 2018-2019                                                |                               |                                                 |
| 9  | Lê Trương Thảo Nguyên |  | X | X | Quyết định phân công hướng dẫn số 1416/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 14/06/2019<br>Thời gian từ 2019-2020 | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Số hiệu bằng: 005749; ngày cấp bằng: 16/04/2020 |
| 10 | Nguyễn Quang Tạo      |  | X | X | Quyết định phân công hướng dẫn số 1416/QĐ-ĐHKT-SĐH ngày 14/06/2019<br>Thời gian từ 2019-2020 | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Số hiệu bằng: 005761; ngày cấp bằng: 16/04/2020 |
| 11 | Lê Trọng Đạt          |  | X | X | Quyết định phân công hướng dẫn số 422/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 11/02/2020<br>Thời gian năm 2020    | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Số hiệu bằng: 006487; ngày cấp bằng: 14/12/2020 |
| 12 | Hồ Hoài Nghĩa         |  | X | X | Quyết định phân công hướng dẫn số 422/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 11/02/2020<br>Thời gian năm 2020    | Trường Đại học Kinh tế TP.HCM | Số hiệu bằng: 006516; ngày cấp bằng: 14/12/2020 |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Tất cả các thông tin trong bảng này đã được xác nhận bởi Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                                                                                                                      | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                                                                                                                                                                                                                                 | Số tác giả | Chủ biên                                         | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)            |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                   |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |                                                  |                                         |                                                                       |
| II | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                     |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |                                                  |                                         |                                                                       |
| 1  | Người lao động và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp – Nghiên cứu các công ty tại Việt Nam                                                       | CK                         | Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2017.<br>ISBN: 978-604-922-513-0                                                                                                                                                                                                                | 01         | Chủ biên (tác giả duy nhất)                      | Toàn bộ quyền sách                      | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM ngày 29/6/2021 |
| 2  | Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa doanh nghiệp đối với sự gắn bó của nhân viên trong các công ty phần mềm tại thành phố Hồ Chí Minh | TK                         | Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2017.<br>ISBN: 978-604-922-531-4                                                                                                                                                                                                                | 01         | Chủ biên (tác giả duy nhất)                      | Toàn bộ quyền sách                      | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM ngày 29/6/2021 |
| 3  | How does CSR influence customer loyalty in banking sector? Evidence from Vietnam.                                                             | CK                         | Chương sách do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản trong: Dong Phong Nguyen, Xuan Vinh Vo, Viet Tien Ho, Mai Dong Tran (Eds) (2021). Recent Developments in Vietnamese Business and Finance, Volume 1. Singapore: World Scientific.<br>ISBN: 978-981-122-714-1 | 01         | Tác giả chính (tác giả duy nhất) của chương sách | Chương 17 (Từ trang 411 đến trang 438)  | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM ngày 29/6/2021 |
| 4  | How is smartphone advertising important for customers                                                                                         | CK                         | Chương sách do một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản trong: Dong Phong Nguyen, Xuan Vinh Vo, Viet Tien Ho, Mai Dong                                                                                                                                              | 01         | Tác giả chính (tác giả duy nhất) của             | Chương 23 (Từ trang 579 đến trang 610)  | Xác nhận của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM ngày 29/6/2021 |



|                                                                   |  |                                                                                                                                           |  |             |  |  |
|-------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------|--|--|
| purchase intention in an emerging economy? Evidence from Vietnam. |  | Tran (Eds) (2021). Recent Developments in Vietnamese Business and Finance, Volume 1. Singapore: World Scientific. ISBN: 978-981-122-714-1 |  | chương sách |  |  |
|-------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------|--|--|

Tất cả các thông tin trong bảng này đã được xác nhận bởi Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01 [1] sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và 02 [3], [4] chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là tác giả chính (tác giả duy nhất) của chương sách sau TS.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                     | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý    | Thời gian thực hiện    | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                        |           |                         |                        |                                                     |
| II | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                          |           |                         |                        |                                                     |
| 1  | Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa doanh nghiệp đối với sự gắn bó của nhân viên trong các công ty phần mềm tại thành phố Hồ Chí Minh (ĐT) | CN        | CS-2013-12<br>Cấp cơ sở | Từ 01/2013 đến 12/2014 | 31/12/2014<br>Loại khá                              |
| 2  | Tác động của phần thưởng và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đến sự động viên nhân viên: Trường hợp các công ty tại Việt Nam (ĐT)                   | CN        | CS-2015-04<br>Cấp cơ sở | Từ 03/2015 đến 03/2016 | 11/3/2016<br>Loại tốt                               |
| 3  | Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đến sự tham                                                                                          | CN        | CS-2016-06<br>Cấp cơ sở | Từ 05/2016 đến 11/2016 | 10/11/2016<br>Loại tốt                              |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |                                                                                                        |    |                         |                        |                       |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|------------------------|-----------------------|
|   | gia của người lao động trong các công ty tại Việt Nam (ĐT)                                             |    |                         |                        |                       |
| 4 | Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua thịt heo có thương hiệu của người tiêu dùng Thành phố Hồ Chí Minh | CN | CS-2017-25<br>Cấp cơ sở | Từ 05/2017 đến 05/2018 | 21/6/2018<br>Loại khá |

Tất cả các thông tin trong bảng này đã được xác nhận bởi Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                 | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang      | Tháng, năm công bố |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                                                            |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                     |                    |
| 1  | Factors Affecting the Development of Local Telecommunications                          | 01         | X                | Economic Development Review.<br>ISSN: 1859-1116 |                                                   |                                            | Số 145, trang 14-15 | 9/2006             |
| 2  | Những nét chính về định hướng phát triển ngành viễn thông Việt Nam đến năm 2020        | 01         | X                | Tạp chí Phát triển Kinh tế.<br>ISSN: 1859-1116  |                                                   |                                            | Số 191, trang 28-30 | 9/2006             |
| 3  | Xây dựng chiến lược phát triển cho các ngành kinh tế trong điều kiện Việt Nam hiện nay | 01         | X                | Tạp chí Phát triển Kinh tế.<br>ISSN: 1859-1116  |                                                   |                                            | Số 162, trang 15-17 | 4/2004             |
| II | Sau khi được công nhận TS                                                              |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                     |                    |



|   |                                                                                                                                                                                                                                  |    |                                 |                                                                                               |                          |  |                                     |                          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--|-------------------------------------|--------------------------|
| 1 | The relationships among the debt, dividends, and investments of Chinese-listed firms - A quantile regression approach                                                                                                            | 05 | Tác giả chính (Tác giả liên hệ) | <b>The Singapore Economic Review</b><br>ISSN / eISSN: 0217-5908 / 1793-6837                   | ISI (SSCI)<br>IF = 0.893 |  | Đang được Tạp chí gửi phản biện kín | Dự kiến xuất bản 09/2021 |
| 2 | Impact of the Covid-19 induced panic on the Environmental, Social and Governance leaders equity volatility: A time-frequency analysis                                                                                            | 04 |                                 | <b>Research in International Business and Finance.</b><br>ISSN / eISSN: 0275-5319 / 1878-3384 | ISI (SSCI)<br>IF = 4.39  |  | Tập 58, 2021, 101493, trang 1-7     | 7/2021                   |
| 3 | Enhancing the Competitiveness of Business and Management Consulting Firms Through the Application of Big Data and Analytics<br><a href="https://doi.org/10.1142/S0217590821500259">https://doi.org/10.1142/S0217590821500259</a> | 02 |                                 | <b>The Singapore Economic Review</b><br>ISSN / eISSN: 0217-5908 / 1793-6837                   | ISI (SSCI)<br>IF = 0.893 |  | Xuất bản trực tuyến, trang 1-29     | 5/2021                   |
| 4 | Response of stock market during COVID-19 and 2008 Financial Crisis: A comparative evidence from BRICS Nations                                                                                                                    | 05 |                                 | <b>The Singapore Economic Review</b><br>ISSN / eISSN: 0217-5908 / 1793-6837                   | ISI (SSCI)<br>IF = 0.893 |  | Đang trong quá trình phản biện      | Dự kiến xuất bản 9/2021  |
| 5 | The Contribution of Corporate Social Responsibility on SMEs' performance in Emerging Country                                                                                                                                     | 04 |                                 | <b>Journal of Cleaner Production</b><br>ISSN: 0959-6526 (print); 1879-1786 (web)              | ISI (SCIE)<br>IF = 9.297 |  | Đang trong quá trình phản biện      | Dự kiến xuất bản 9/2021  |
| 6 | The Impact of Corruption on Tourism Sector in Nigeria: Empirical Insights by Using an Autoregressive                                                                                                                             | 05 |                                 | <b>International Journal of Hospitality &amp; Tourism Administration</b><br>ISSN: 1525-6480   | ISI (ESCI)<br>IF = 0.557 |  | Xuất bản trực tuyến                 | 4/2021                   |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|   |                                                                                                                                                                 |    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |  |                                              |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------|
|   | Distributed Lag Bounds (ARDL) Testing Approach<br><br><a href="https://doi.org/10.1080/15256480.2021.1905583">https://doi.org/10.1080/15256480.2021.1905583</a> |    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |  |                                              |
| 7 | What should automobile businesses in Vietnam care to make employee creativity?                                                                                  | 01 | x | Proceeding of the 30 <sup>th</sup> Eurasia Business and Economic Society Conference. <i>Eurasian Business and Economics Perspectives</i> , Vol. 17. Springer, Cham.<br><b>Nhà xuất bản Springer.</b><br>Print ISBN: 978-3-030-65146-6;<br>Online ISBN: 978-3-030-65147-3 |  |  | Tập 17, trang 39 đến trang 56<br><br>01/2021 |
| 8 | CSR And Perceived External Prestige: An Employee's Perspective                                                                                                  | 01 | X | Conference proceedings: International Conferene on Business and Finance 2021 (ICBF 2021).<br><br>Nhà xuất bản Lao Động.<br><br>ISBN: 978-604-325-668-0                                                                                                                   |  |  | Tập 1, trang 739-745<br><br>6/2021           |
| 9 | Smartphone Advertising And Purchase Intention: A Case Study Of Fashion Goods In Vietnam                                                                         | 01 | X | Conference proceedings: International Conferene on Business and Finance 2021 (ICBF 2021).                                                                                                                                                                                |  |  | Tập 1, trang 803-816<br><br>6/2021           |



|    |                                                                                                                                             |    |                    |                                                                                                                                                |                         |    |                             |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----|-----------------------------|---------|
|    |                                                                                                                                             |    |                    | Nhà xuất bản<br>Lao Động.<br>ISBN: 978-604-325-668-0                                                                                           |                         |    |                             |         |
| 10 | Factors Affecting Remote Mobile Payment Intention To Use: An Empirical Study In Vietnam                                                     | 01 | X                  | Conference proceedings: International Conferene on Business and Finance 2021 (ICBF 2021).<br>Nhà xuất bản Lao Động.<br>ISBN: 978-604-325-668-0 |                         |    | Tập 1, trang 817-824        | 6/2021  |
| 11 | Impulse Online Buying: A Case Study Of Tourism Website In Vietnam                                                                           | 01 | X                  | Conference proceedings: International Conferene on Business and Finance 2021 (ICBF 2021).<br>Nhà xuất bản Lao Động.<br>ISBN: 978-604-325-668-0 |                         |    | Tập 1, trang 825-832        | 6/2021  |
| 12 | Qatar Airways: Building a Global Brand<br><a href="https://doi.org/10.1108/JEAS-04-2020-0044">https://doi.org/10.1108/JEAS-04-2020-0044</a> | 04 |                    | <b>Journal of Economic and Administrative Sciences</b><br>ISSN: 1026-4116                                                                      | ISI (ESCI)<br>IF = 0.16 | 01 | Xuất bản trực tuyến         | 10/2020 |
| 13 | TISM modelling of social enterprise ecosystem: a study in Indian context                                                                    | 03 |                    | <b>Journal for Global Business Advancement</b><br>ISSN online 1746-9678<br>ISSN print 1746-966X                                                | ISI (ESCI)<br>IF = 0.34 | 01 | Tập 13, số 5, trang 665-681 | 10/2020 |
| 14 | The factors affecting passenger satisfaction with short-range air transport services: Approach to value                                     | 02 | Tác giả chính (Tác | <b>Journal of Economic Development.</b>                                                                                                        | Scopus Q4               |    | Tập 45, số 1, trang 145-158 | 3/2020  |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                        |    |          |                                                                     |                          |    |                           |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|----|---------------------------|---------|
|    | chain in the case of Vietnam Airlines                                                                                  |    | già đầu) | ISSN: 0254-8372                                                     |                          |    |                           |         |
| 15 | The Impact of Environmental Regulation on Technological Innovation of Resource-Based Industries                        | 04 |          | <b>Sustainability</b><br>EISSN: 2071-1050                           | ISI (SSCI)<br>IF = 2.576 | 04 | Tập 12, số 17, trang 1-15 | 8/2020  |
| 16 | The Long-Run Effects of Trade Openness on Carbon Emissions in Sub-Saharan African Countries                            | 06 |          | <b>Energies</b><br>ISSN 1996-1073                                   | ISI<br>IF = 2.702        | 05 | Tập 13, số 20, trang 1-18 | 10/2020 |
| 17 | Hedging Strategies of Green Assets against Dirty Energy Assets                                                         | 03 |          | <b>Energies</b><br>ISSN 1996-1073                                   | ISI<br>IF = 2.702        | 11 | Tập 13, số 12, trang 1-17 | 6/2020  |
| 18 | The Strength of CEOs' Influence on CSR in Chinese listed Companies. New Insights from an Agency Theory Perspective     | 06 |          | <b>Sustainability</b><br>EISSN: 2071-1050                           | ISI (SSCI)<br>IF = 2.576 | 05 | Tập 12, số 6, trang 1-13  | 3/2020  |
| 19 | The Impact of Customer Attitude and Judgment on Three Types of Banking System: Evidence from Emerging Market           | 06 |          | <b>Journal of Reviews on Global Economics.</b><br>E-ISSN: 1929-7092 | Scopus Q4                |    | Tập 9, trang 1-20         | 3/2020  |
| 20 | Are Socially Responsible Companies Really Ethical? The Moderating Role of State-Owned Enterprises: Evidence from China | 06 |          | <b>Sustainability</b><br>EISSN: 2071-1050                           | ISI (SSCI)<br>IF = 2.576 | 07 | Tập 12, số 7, trang 1-19  | 4/2020  |



|    |                                                                                                                                                               |    |                                 |                                                                                                                                                                                         |                          |    |                           |        |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----|---------------------------|--------|
| 21 | Adoption and Implementation of Sustainable Development Goals (SDGs) in China—Agenda 2030                                                                      | 06 |                                 | <b>Sustainability</b><br>EISSN: 2071-1050                                                                                                                                               | ISI (SSCI)<br>IF = 2.576 | 07 | Tập 12, số 15, trang 1-16 | 8/2020 |
| 22 | Elasticity of market demand between modes of transport in Vietnam by price and income                                                                         | 03 | Tác giả chính (Tác giả liên hệ) | <b>Journal of Economic Development.</b><br>ISSN: 0254-8372                                                                                                                              | Scopus Q4                |    | Tập 45, số 1, trang 83-96 | 3/2020 |
| 23 | Impact of Corporate Social Responsibilities Dimensions on Employee Engagement under the Moderating Variable: Job Autonomy Level, Vietnam.                     | 03 |                                 | Kỷ yếu hội thảo quốc tế:<br>International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management 2020 (ICBF 2020).<br>Nhà xuất bản Lao Động.<br>ISBN: 978-604-686-706-7 |                          |    | Tập 2, trang 334-352      | 8/2020 |
| 24 | Impact of Corporate Social Responsibilities Dimensions on Employee Engagement through Mediating Variables: Organizational Trust and Job Satisfaction, Vietnam | 03 |                                 | Kỷ yếu hội thảo quốc tế:<br>International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management 2020 (ICBF 2020).<br>Nhà xuất bản Lao Động.                            |                          |    | Tập 2, trang 376-407      | 8/2020 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

|    |                                                                                                       |    |   |                                                                                                                                                                                                 |  |  |                        |        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------|--------|
|    |                                                                                                       |    |   | ISBN: 978-604-686-706-7                                                                                                                                                                         |  |  |                        |        |
| 25 | The impact of the quality of work life on wellbeing: A case study of office staff in Ho Chi Minh City | 01 | X | Kỷ yếu hội thảo quốc tế:<br>International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management 2020 (ICBF 2020).<br><br>Nhà xuất bản Lao Động.<br><br>ISBN: 978-604-686-706-7 |  |  | Tập 2, trang 1397-1408 | 8/2020 |
| 26 | The relationship between organizational ethics and job satisfaction: An empirical study in Vietnam    | 01 | X | Kỷ yếu hội thảo quốc tế:<br>International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management 2020 (ICBF 2020).<br><br>Nhà xuất bản Lao Động.<br><br>ISBN: 978-604-686-706-7 |  |  | Tập 2, trang 1609-1643 | 8/2020 |
| 27 | Vietnamese consumer purchase behavior of branded pork before and after the African swine fever        | 01 | X | Kỷ yếu hội thảo quốc tế:<br>International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management                                                                                |  |  | Tập 2, trang 1725-1747 | 8/2020 |



|    |                                                                                                                        |    |   |                                                                                                                                                                                                     |  |                               |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                        |    |   | 2020 (ICBF 2020).<br>Nhà xuất bản Lao Động.<br>ISBN: 978-604-686-706-7                                                                                                                              |  |                               |         |
| 28 | Establishing scale measures affecting enterprises "success" of small and medium enterprises in South East- Vietnam     | 03 |   | International Journal of Business, Social and Scientific Research.<br>ISSN: 2309-7892 (Online), 2519-5530 (Print)                                                                                   |  | Tập 8, số 1, trang 11-14      | 01/2020 |
| 29 | CSR affecting business performance through the mediate of employee commitment: A case study of banks in Hochiminh City | 01 | X | Kỷ yếu hội thảo quốc tế:<br>Proceedings of the 17th International Symposium on Management (INSYMA 2020).<br><b>Nhà xuất bản: Atlantis Press</b><br>Số ISSN: 2352-5428<br>Số ISBN: 978-94-6252-892-5 |  | Tập 115, trang 371-375        | 02/2020 |
| 30 | Tác động của phong cách lãnh đạo phục vụ và hệ thống quản lý nhân sự đến năng lực động                                 | 03 |   | <b>Tạp chí Kinh tế &amp; Phát triển.</b><br>ISSN: 1859-0012                                                                                                                                         |  | Số 277, trang 73-81           | 7/2020  |
| 31 | Phong cách lãnh đạo toàn diện và năng lực động: vai trò trung gian                                                     | 03 |   | <b>Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á.</b>                                                                                                                                             |  | Năm thứ 30, số 8, trang 63-80 | 8/2019  |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                            |    |                                              |                                                                                                                                                                                              |  |  |               |        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------------|--------|
|    | của hệ thống quản lý nhân sự                                                                                               |    |                                              | p-ISSN 2615-9104<br>p-ISSN (số cũ) 1859-1124                                                                                                                                                 |  |  |               |        |
| 32 | The affecting of corporate social responsibility on employee motivation: A case study of banks in Vietnam                  | 02 | Tác giả chính (tác giả đầu, tác giả liên hệ) | Kỷ yếu hội thảo quốc tế: International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management 2019 (ICBF 2019).<br>Nhà xuất bản: Kinh tế TpHCM<br>Số ISBN: 978-604-922-764-6 |  |  | Trang 740-753 | 8/2019 |
| 33 | Factors affecting branded pork purchase intention in the Ho Chi Minh City market – The moderating of consumers' age groups | 01 | X                                            | Kỷ yếu hội thảo quốc tế: International Conferene on Business and Finance: Accounting, Business and Management 2019 (ICBF 2019).<br>Nhà xuất bản: Kinh tế TpHCM<br>Số ISBN: 978-604-922-764-6 |  |  | Trang 483-495 | 8/2019 |
| 34 | Các kỹ năng người lao động cần có để đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư                                         | 01 | X                                            | Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Năng lực lao động của công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí                                                                                                      |  |  | Trang 208-223 | 4/2019 |



|    |                                                                                                                                                           |    |                                              |                                                                                         |  |                                         |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                                                           |    |                                              | Minh: Thực tế & tương lai.<br>Nhà xuất bản: Kinh tế TpHCM<br>Số ISBN: 978-604-922-712-7 |  |                                         |         |
| 35 | Quản lý ngân sách nhà nước: Trường hợp huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh                                                                                        | 02 |                                              | Tạp chí Công thương.<br>ISSN: 0866-7756                                                 |  | Số 14 tháng 8/2019, trang 140-147       | 8/2019  |
| 36 | Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua: Nghiên cứu thị trường thịt heo có thương hiệu tại TP.HCM                                                            | 02 | Tác giả chính (Tác giả đầu, tác giả liên hệ) | <b>Tạp chí Kinh tế &amp; Phát triển.</b><br>ISSN: 1859-0012                             |  | Số 266 tháng 8/2019, trang 74-84        | 8/2019  |
| 37 | Các yếu tố chất lượng dịch vụ bảo hiểm ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng tại thị trường Việt Nam                                                   | 01 | X                                            | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br>ISSN: 0868-3808                            |  | Số 537 tháng 3/2019, trang 64-66        | 3/2019  |
| 38 | Mối quan hệ giữa thương hiệu liên kết, thuộc tính thân thiện môi trường của sản phẩm với chất lượng cảm nhận, ý định mua hàng: Trường hợp thịt lợn Vissan | 03 |                                              | Tạp chí Công thương.<br>ISSN: 0866-7756                                                 |  | Số 13 tháng 10/2018, trang 297-303      | 10/2018 |
| 39 | Mối quan hệ giữa hệ thống phân phối, thuộc tính thân thiện môi trường của sản phẩm với chất lượng cảm nhận, ý định mua hàng:                              | 03 |                                              | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br>ISSN: 0868-3808                            |  | Số chuyên đề tháng 10/2018, trang 36-38 | 10/2018 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HDGS nhà nước

|    |                                                                                                                           |    |   |                                                                                                         |  |                                    |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------|---------|
|    | trường hợp thịt lợn Vissan                                                                                                |    |   |                                                                                                         |  |                                    |         |
| 40 | Thái độ đối với thương hiệu và thái độ đối với quảng cáo sử dụng hình ảnh hấp dẫn giới tính qua một nghiên cứu thử nghiệm | 03 |   | <b>Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á.</b><br>p-ISSN 2615-9104<br>p-ISSN (số cũ) 1859-1124 |  | Năm thứ 29, số 4, trang 64-84      | 4/2018  |
| 41 | Kết quả hoạt động của doanh nghiệp theo trình độ học vấn và kinh nghiệm của nhà khởi nghiệp                               | 01 | X | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br>ISSN: 0868-3808                                            |  | Số cuối, tháng 3/2017, trang 19-21 | 3/2017  |
| 42 | Nghiên cứu về loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực chuyên môn của người sáng lập và kết quả hoạt động sau khởi nghiệp         | 01 | X | Tạp chí Công thương.<br>ISSN: 0866-7756                                                                 |  | Số 2, tháng 2/2017, trang 137-141  | 02/2017 |
| 43 | CSR và sự đồng dạng với tổ chức của người lao động Việt Nam                                                               | 01 | X | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br>ISSN: 0868-3808                                            |  | Số 487, tháng 2/2017, trang 32-35  | 02/2017 |
| 44 | Đo lường giá trị thương hiệu ngân hàng tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh                                               | 01 | X | Tạp chí Công thương.<br>ISSN: 0866-7756                                                                 |  | Số 1, tháng 1/2017, trang 77-81    | 01/2017 |
| 45 | Sử dụng hình ảnh hấp dẫn giới tính trong các quảng cáo và thái độ đối với thương hiệu qua một nghiên cứu thử nghiệm       | 03 |   | Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP - ICYREB 2016.                                |  | Trang 315-331                      | 11/2016 |



|    |                                                                                                                    |    |   |                                                                         |  |                                            |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|-------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------|---------|
|    |                                                                                                                    |    |   | Nhà xuất bản<br>Kinh tế<br>TpHCM.<br><br>Số ISBN: 978-<br>604-922-422-5 |  |                                            |         |
| 46 | Mối quan hệ giữa CSR và sự tham gia của người lao động trong các công ty tại Việt Nam                              | 01 | X | <b>Tạp chí Kinh tế &amp; Phát triển.</b><br><br>ISSN: 1859-0012         |  | Tập II, số, 234 Tháng 12/2016, trang 61-70 | 12/2016 |
| 47 | Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn thực phẩm có thương hiệu của người tiêu dùng Việt Nam | 01 | X | Tạp chí Công thương.<br><br>ISSN: 0866-7756                             |  | Số 12, tháng 12/2016, trang 110-115        | 12/2016 |
| 48 | Thang đo CSR tại Việt Nam                                                                                          | 01 | X | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br><br>ISSN: 0868-3808        |  | Số 480, tháng 10/2016, trang 43-44 và 39   | 10/2016 |
| 49 | Các yếu tố chất lượng dịch vụ bán lẻ điện ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng – khảo sát tại TP.HCM           | 01 | X | Tạp chí Công thương.<br><br>ISSN: 0866-7756                             |  | Số 9, tháng 9/2016, trang 112-118          | 9/2016  |
| 50 | Ảnh hưởng của hoạt động CSR đến niềm tin và nhận thức rủi ro của khách hàng                                        | 01 | X | Tạp chí Công thương.<br><br>ISSN: 0866-7756                             |  | Số 8, tháng 8/2016, trang 66-70            | 8/2016  |
| 51 | Ảnh hưởng của hoạt động CSR đến danh tiếng công ty và lòng trung thành của khách hàng                              | 01 | X | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br><br>ISSN: 0868-3808        |  | Số cuối tháng 8/2016, trang 37-39          | 8/2016  |

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                                                                                     |    |   |                                                              |  |    |                                   |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--------------------------------------------------------------|--|----|-----------------------------------|---------|
| 52 | Tác động của phần thưởng đến sự động viên đối với nhân viên trình độ cao                                            | 01 | X | Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.<br>ISSN: 0868-3808 |  |    | Số cuối tháng 7/2016, trang 45-57 | 7/2016  |
| 53 | Quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và sự động viên nhân viên tại Việt Nam                             | 01 | X | <b>Tạp chí Phát triển kinh tế.</b><br>ISSN: 1859-1124        |  | 01 | Năm thứ 27, số 7, trang 90-106    | 7/2016  |
| 54 | Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên trong các công ty phần mềm tại thành phố Hồ Chí Minh | 01 | X | <b>Tạp chí Kinh tế &amp; Phát triển.</b><br>ISSN: 1859-0012  |  |    | Tập II, số 212, trang 105-115     | 02/2015 |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 02 (hai) ([14] và [22]) bài báo là tác giả chính (tác giả đầu, tác giả liên hệ) đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus Q4.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích



| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                            |            |
| 2   |                                                |                 |                    |                            |            |
| ... |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thường quốc gia, quốc tế

| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                                                                  | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng     | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế      | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1  | Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh – Chuyên ngành Quản trị trình độ đại học                                                      | Chủ trì                        | 249/KH-ĐHKT-ĐBCLPTCT ngày 12/02/2020         | Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | 1795/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ngày 24/6/2021 |         |
| 2  | Chương trình đào tạo chất lượng cao (bằng tiếng Anh) chuyên ngành Quản trị, trình độ đại học hệ chính quy thuộc Trường Đại học Kinh tế Thành | Tham gia                       | 2512/ QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 30/7/2018            | Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | Số 481/QĐ-ĐHKT-ĐBCL ngày 24/4/2019   |         |

|                 |  |  |  |  |  |
|-----------------|--|--|--|--|--|
| phố Hồ Chí Minh |  |  |  |  |  |
|-----------------|--|--|--|--|--|

Hiện tôi đang là giám đốc chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị bậc đại học thuộc Khoa Quản trị - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, trong quá trình công tác tại khoa Quản trị - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã tham gia xây dựng các chương trình đào tạo và các dự án sau:

- Chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (theo hướng ứng dụng).
- Chương trình tiên tiến quốc tế UEH ngành Quản trị kinh doanh.
- Xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2021.
- Viết tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn của UEH đến năm 2030.
- Kiểm định chất lượng theo chuẩn AUN đối với ngành Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐



Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Dang Khoa Tran (2021). How does CSR influence customer loyalty in banking sector? Evidence from Vietnam. In: Dong Phong Nguyen, Xuan Vinh Vo, Viet Tien Ho, Mai Dong Tran (Eds). Vietnam and Global Economy: Volume 1, *Recent Developments in Vietnamese Business and Finance*, pp. 411-438. Singapore: World Scientific.

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Đăng Khoa**

**XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM**